TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 764/2018/DS-PT
Ngày: 20/8/2018
Về việc:"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Minh Cường.

-*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Liên.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

-***Thư ký phiên tòa****:* Ông Hoàng Minh Dự - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Kiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 524/DSPT ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1919/2017/DS-ST ngày 15/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3537/2018/QĐ-PT ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ng H Đ.

Địa chỉ: Số 130 P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V M T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ph Th Th T. (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2018)

Bị đơn: Ông V Ng H. (Có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 64/9 Tr Đ X, phường C G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ng H Th – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông V Ng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai Nguyên đơn là Ng H Đ do bà Ph Th Th Tr là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 23/9/2013, Ng H Đvà ông V Ng H ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013 với hạn mức là 800.000.000 đồng thời hạn 12 tháng, lãi suất 1,35%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên sau khi hết hạn hợp đồng Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ng H Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V Ng H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/11/2016 là 1.335.089.102, trong đó: tiền gốc là 799.952.255 đồng, tiền lãi trong hạn là 112.342.082 đồng, lãi quá hạn là 422.794.765 đồng.

Bị đơn là ông V Ng H trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng vay tiền Ng H Đ dưới hình thức dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức 800.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng từ ngày 23/9/2013 đến ngày 23/9/2014, để mua 100.000 cổ phần của Ng H Đ, tài sản cầm cố, thế chấp chính là 100.000 cổ phần trên với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Tại Điều 4.2 của hợp đồng dịch vụ thấu chi quy định trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết hạn thấu chi, chủ thẻ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ quá hạn thấu chi. Qúa thời hạn này mà chủ thẻ không thanh toán thì Ng H Đ sẽ áp dụng các biện pháp xử lý để thu hồi nợ kể cả biện pháp xử lý tài sản của chủ thẻ do Ngân hàng quản lý mà không cần có sự đồng ý của chủ thẻ. Do đó, nếu ông không trả tiền nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản của ông để trừ vào nợ gốc và lãi, nên từ khi hết thời hạn thấu chi Ngân hàng không mời ông lên để giải quyết cũng như không thông báo cho ông biết việc ông còn nợ Ngân hàng. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện ông là hoàn toàn không có cơ sở; đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản của ông là 100.000 cổ phần để thu hồi nợ gốc, số nợ lãi năm đầu tiên là 119.000.000 (trừ số tiền 19.000.000 tiền cổ tức phát sinh) còn lại là 100.000.000 đồng ông đồng ý trả mỗi tháng từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông V Ng H trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến nay là 1.498.699.337 đồng trong đó: Tiền gốc là 799.952.255 đồng, tiền lãi trong hạn là 112.342.079 đồng và tiền lãi quá hạn là 586.405.000 đồng.

Ông V Ng H đồng ý trả số tiền lãi trong hạn là 112.342.079 đồng; ông H không đồng ý trả tiền gốc 799.952.255 đồng và tiền lãi quá hạn là 586.405.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/9/2017.

Tại bản án sơ thẩm số 1919/2017/DS-ST ngày 15/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Buộc ông V Ng H phải trả cho Ng H Đ số tiền còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013 ngày 23/9/2013 tính đến ngày 14/9/2017 cụ thể: 799.952.255 đồng và tiền lãi là 698.747.079 đồng; tổng cộng là 1.498.699.334 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2017 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013 ngày 23/9/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra bản án có quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2017, ông V Ng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông V Ng H có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng đã lập giữa ông H và Ng H Đ. Theo Luật sư, tại hợp đồng này hai bên đã thỏa thuận việc cầm cố hoặc thế chấp tài sản bảo đảm là 100.000 cổ phần của chính Ng H Đ. Việc này đã vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng về các hành vi bị nghiêm cấm. Bị đơn còn cho rằng nguyên đơn đã cố tình vi phạm quy định của Luật các tổ chức tín dụng khi dùng tài sản thế chấp là cổ phần của mình. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cho rằng Ngân hàng cấp tín dụng thấu chi cho ông V Ng H bằng hình thức tín chấp nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh ông H thuộc trường hợp được cấp tín dụng thấu chi có bảo đảm bằng tín chấp. Ng H Đcho rằng việc đăng ký vào ô cầm cố, thế chấp tại Hợp đồng là hoàn toàn do lỗi của nhân viên nghiệp vụ. Tuy nhiên, việc giải thích như vậy là không hợp lý bởi tại hợp đồng mẫu do Ngân hàng soạn có ghi rõ số cổ phần mà ông H đã tiến hành giao dịch, ngoài ra tại hợp đồng cũng ghi rõ: Ng H Đđược xử lý tài sản bảo đảm khi đáp hạn. Đồng thời, căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành thì việc cầm cố hay thế chấp bằng cổ phiếu không phải đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, việc Ng H Đcho rằng ông H chưa hoàn thiện đầy đủ thủ tục để cầm cố, thế chấp là không có cơ sở để chấp nhận. Vì những lý do nêu trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hợp đồng cấp tín dụng bằng hình thức thấu chi qua thẻ giữa Ng H Đvới ông V Ng H vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ng H Đxác định có cấp tín dụng cho ông V Ng H có bảo đảm bằng tín chấp. Việc Hợp đồng tín dụng được đánh dấu vào ô cầm cố, thế chấp là do lỗi nghiệp vụ của nhân viên Ngân hàng. Tuy nhiên, Ng H Đ không nhận và cầm giữ các giấy chứng nhận cổ

phần của ông H. Điều này cũng phù hợp với trả lời của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ng H Đ về việc ông H vẫn chưa đến Công ty để nhận Giấy chứng nhận cổ đông. Ng H Đcó ưu đãi nhất định cho cổ đông của Ngân hàng để được cấp tín dụng theo hình thức thấu chi qua thẻ. Tại thời điểm ông H thực hiện việc đề nghị ký hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã kiểm tra trên hệ thống để xác định ông H thuộc đối tượng được vay tiền bằng hình thức thấu chi qua thẻ. Do đó, việc Ng H Đký hợp đồng cấp tín dụng cho ông V Ng H là tuân thủ các quy định pháp luật nên nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn luật định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Ng H Đcó ký hợp đồng cấp tín dụng bằng hình thức dịch vụ thấu chi qua thẻ vào ngày 23/9/2013. Phía ông H cho rằng ông có cầm cố, thế chấp 100.000 cổ phần của chính Ng H Đdo ông sở hữu. Còn phía Ng H Đcho rằng việc đánh dấu vào ô thế chấp, cầm cố cổ phần trong Hợp đồng là sai sót nghiệp vụ của nhân viên. Xét thấy, qua văn bản trả lời xác minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ng H Đthì tại thời điểm cấp tín dụng cho ông H, ông H đã tiến hành giao dịch nhận chuyển nhượng số cổ phần nhưng ông H vẫn chưa nhận giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Do vậy, việc xác lập nguyên đơn và ông V Ng H cầm cố, thế chấp 100.000 cổ phần của Ng H Đlà không có cơ sở. Đồng thời, căn cứ vào biên bản làm việc của ông H với Ng H Đthì ông H cũng thừa nhận về việc có vay tiền của Ngân hàng và cam kết trả nợ bằng cách được bán số cổ phần nhằm trả nợ. Mặc dù ông H không thừa nhận nhưng không có chứng cứ và cũng không đề nghị để bác bỏ lại biên bản làm việc này. Do vậy, việc bản án sơ thẩm xác định ông V Ng H phải có nghĩa vụ trả tiền cho Ng H Đlà có căn cứ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để quyết định về số tiền nợ gốc, nợ lãi cũng như lãi suất mà ông H phải chịu.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Ngày 17/4/2018, bị đơn ông V Ng H có Đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi xét xử. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn về việc tuyên Hợp đồng dịch vụ thấu chi qua thẻ vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Xét thấy, Ngày 23/9/2013 Ng H Đvà ông V Ng H ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013. Hợp đồng trên thể hiện nội dung Ng H Đcấp tín dụng cho ông V Ng H số tiền 800.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, lãi suất 1,35%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Tại Điều 3 của Hợp đồng quy định hình thức bảo đảm thấu chi được đánh dấu vào ô "Thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu ĐAB". Ng H Đcho rằng đây là hình thức thấu chi tài khoản thẻ không có thế chấp, cầm cố tài sản đảm bảo vì căn cứ vào thời điểm ông H đề nghị cấp hạn mức thấu chi thì ông H đang sở hữu cổ phần của Ng H Đnên Ngân hàng đánh dấu vào ô này để phù hợp với nội dung trong Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi của ông H để phân biệt với nhóm khách hàng khác. Việc đánh dấu này phía Ngân hàng thừa nhận là do có sai sót về nghiệp vụ của nhân viên Ngân hàng và không phát sinh việc cầm cố, thế chấp cổ phần của ông H. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Ngân hàng và ông H không có ký kết một giao dịch đảm bảo nào về thế chấp, cầm cố tài sản cũng như không có tài liệu thể hiện ông H đã bàn giao cho Ngân hàng bản chính giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo quy định pháp luật về cầm cố, thế chấp. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm ông H xác nhận không giao giấy sở hữu 100.000 cổ phần cho Ng H Đ giữ. Điều này phù hợp với Công văn số 345/2017/CV-DAS ngày 16/8/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ng H Đ thể hiện nội dung: Ông V Ng H đã được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nhưng ông H chưa đến nhận và hiện vẫn còn được lưu giữ tại Công ty này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng cho rằng theo quy định tại Điều 4.2 Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ thì Ng H Đcó quyền cấn trừ số nợ bằng chính cổ phiếu của Ng H Đ. Từ đó, phía bị đơn cho rằng đây là căn cứ để chứng minh Ng H Đ và ông H có thỏa thuận về về cầm cố, thế chấp bằng cổ phiếu của Ng H Đ. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 19/3/2015 thì ông H có thừa nhận về việc ông H cam kết sẽ bán toàn bộ số cổ phiếu để thanh toán toàn bộ số vốn và lãi cho Ng H Đvà không yêu cầu tự cấn trừ các cổ phần nhằm trừ nợ. Như vậy, dựa trên lời trình bày của ông H tại biên bản này thì số cổ phần do ông H sở hữu tại Ng H Đvẫn thuộc quyền định đoạt của ông H và chưa được cầm cố, thế chấp cho chính nguyên đơn.

Ngoài ra, phía bị đơn còn cho rằng việc ký kết Hợp đồng cấp tín dụng giữa ông V Ng H và Ng H Đ không có giá trị pháp lý vì ông H không thuộc đối tượng được vay thấu chi với số tiền là 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành thì không có quy định cấm Ngân hàng được cấp tín dụng với số

tiền trên. Đồng thời, việc quy định về hạn mức và hình thức cấp tín dụng là vấn đề nội bộ của Ngân hàng và ông H cũng không có chứng cứ mới để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả: Căn cứ vào bảng kê tính lãi do Ng H Đxuất trình thì từ ngày 24/9/2013 đến 23/9/2014, số tiền lãi trong hạn ông H phải trả theo mức lãi suất 1,35%/tháng là 131.392.156 đồng, Ngân hàng đã thu được 19.050.077 đồng còn nợ 112.342.079 đồng; từ ngày 24/9/2014 đến ngày 14/9/2017 tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 2.025%/tháng là 586.405.000 đồng. Xét thấy, việc tính lãi trên phù hợp với thỏa thuận của hai bên theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi thẻ và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những phân tích trên, đồng thời qua đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông V Ng H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Buộc ông V Ng H phải trả cho Ng H Đ số tiền còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013 ngày 23/9/2013 tính đến ngày 14/9/2017 cụ thể: 799.952.255 đồng và tiền lãi là 698.747.079 đồng; tổng cộng là 1.498.699.334 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2017 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 62/TC140/2013 ngày 23/9/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông V Ng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.960.980 đồng.

Hoàn lại cho Ng H Đsố tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 26.026.335 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/019041 ngày 18/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V Ng H phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0022011 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện KSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện KSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Viện KSND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Cường